TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 3- 2025
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Cưng
Ông Nguyễn Tấn Lộc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Hồng Như – Là thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 295/2024/ HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị Thanh X, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã B, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã T, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1/ Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện Thới Bình (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.
2/ Ông Cao Minh T, sinh năm 1965 (xin vắng mặt)
3/ Bà Võ Thị K, sinh năm 1963 (xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã T, huyện TB, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Cao Thị Thanh X trình bày đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn N kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống do phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn bà và ông N đã ly thân 01 năm nay. Hiện bà xác định không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Cao Tiến T, sinh ngày 25/01/2010 và Nguyễn Cao Nhã U, sinh ngày 21/6/2014, các con đang

sống cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi 02 con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000 đồng/02 con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 950.000.000 đồng, vay vào năm 2023 số tiền 500.000.000 đồng để dùng vào việc cá nhân của bà, còn 450.000.000 đồng vay vào năm 2024 để thanh toán nợ cho ông N. Khi ly hôn bà có trách nhiệm trả 500.000.000 đồng còn 450.000.000 đồng ông N có trách nhiệm trả.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Cao Thị Thanh X chung sống và có đăng kết hôn vào năm 2009 đúng như bà X trình bày. Ông xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhưng không lớn. Sau thời gian hàn gắn nhưng không có kết quả, hiện bà X kiên quyết ly hôn nên ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Cao Tiến T, sinh ngày 25/01/2010 và Nguyễn Cao Nhã U, sinh ngày 21/6/2014. Các con đang sống cùng bà X. Khi ly hôn thì tuỳ ý kiến các con muốn sống cùng ai thì người đó có trách nhiệm nuôi. Nếu các con sống cùng ông thì ông không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con, nếu các con sống cùng bà X thì ông đồng ý cấp dưỡng theo mức ½ mức lương tối thiểu vùng là 1.625.000 đồng /tháng.

Về tài sản chung: Ông N xác định có 01 căn nhà và đất diện tích khoảng 200m^2 toạ lạc ấp 4, xã T, huyện TB. Phần đất do cha mẹ vợ cho vào năm 2014 hiện vẫn chưa tách quyền sử dụng đất. Nhà và đất trị giá khoảng 1,5 tỷ đồng. Khi ly hôn ông không yêu cầu phân chia tài sản nói trên mà để ông và bà X tự thoả thuận.

Về nợ chung: Ông xác định không có nợ Ngân hàng N Việt Nam, chi nhánh Thới Bình 950.000.000 đồng như bà X trình bày. Đây là nợ riêng của bà X, nên khi ly hôn bà X có trách nhiệm trả toàn bộ.

Tại đơn yêu cầu ngày 31/10/2024 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thể hiện:

Ngân hàng V Việt Nam – chi nhánh Thới Bình (gọi tắt là Ngân hàng) có cho hộ bà Cao Thị Thanh X vay vốn với 02 khoản vay như sau: Khoản vay ngày 12/6/2024, thời hạn trả là 10/6/2025, số tiền vay 450.000.000 đồng, mục đích vay vốn là sữa chữa nhà. Tổng gốc và lãi đến ngày 31/10/2024 là 452.243.836 đồng. Khoản vay ngày 29/11/2023, thời hạn trả là 29/11/2024, số tiền vay 500.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là sửa chữa nhà. Tổng gốc và lãi đến ngày 31/10/2024 là 501.380.822 đồng. Tài sản đảm bảo cho 02 khoản vay trên là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 965238, cấp ngày 11/08/2004 đứng tên ông Cao Minh T và bà Võ Thị K. Trong quá trình giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn giữa bà X với ông N có liên quan đến nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu hộ vay bà Cao Thị Thanh X thanh toán nợ vay và xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Tuy nhiên, đến ngày 05/02/2025 Ngân hàng có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập. Khi nào hộ vay bà Cao Thị Thanh X vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

- Ông Cao Minh T và bà Võ Thị K trình bày tại bản tự khai ngày 02/12/2024: Nhà và đất toạ lạc ấp 4, xã T, huyện Thới Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 965238, cấp ngày 11/08/2004 đứng tên ông Cao Minh T và bà Võ Thị K là tài sản của vợ chồng ông, bà. Nhà được vợ chồng ông xây dựng vào năm 2014, vợ chồng ông chỉ cho ông N và bà X ở nhờ. Hiện nhà và đất nói trên đang thế chấp để đảm bảo cho 02 khoản vay của bà X và ông N tại Ngân hàng N Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N Việt Nam; ông Cao Minh T và bà Võ Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nói trên theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa bà Cao Thị Thanh X với ông Nguyễn Văn N được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Văn N có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện TB nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Cao Thị Thanh X với ông Nguyễn Văn N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TB theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện bà X yêu cầu xin ly hôn với ông N. Nguyên nhân bà X xin ly hôn do vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng mặc dù gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng không kết quả.

Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa bà X và ông N mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện bà X và ông N đã ly thân, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc ai. Tại phiên hoà giải và tại Toà ông N cũng thống nhất ly hôn. Nên việc thỏa thuận ly hôn trên của bà X và ông N là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà Cao Thị Thanh X với ông Nguyễn Văn N có 02 con chung tên Nguyễn Cao Tiến T, sinh ngày 25/01/2010 và Nguyễn Cao Nhã U, sinh ngày 21/6/2014. Các con đang sống cùng bà X. Khi ly hôn bà X yêu cầu nuôi con chung, ông N thì xác định tuỳ vào ý kiến của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nguyễn Cao Tiến T và cháu Nguyễn Cao Nhã U đã trên 07 tuổi, các cháu đều có ý kiến nguyện vọng là được sống cùng mẹ khi cha mẹ cháu ly hôn. Hơn nữa, trong thời gian bà X và ông N ly thân, hai cháu Thành và Uyên đang sống cùng bà X tại ấp 4, xã T, huyện TB. Cho nên, để tránh sự xáo trộn tâm lý và môi trường sống của các cháu và theo ý kiến nguyện vọng của các cháu là được

sống chung với mẹ, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao hai con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Ông N chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo mức ½ mức lương tối thiểu vùng là 1.625.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn như sau: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".* Việc cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí hợp lý ăn uống, học hành .... Tại phiên toà bà X xác định chí phí thực tế cho mỗi cháu chỉ hơn một triệu/tháng, nên bà X yêu cầu N cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000 đồng/tháng là chưa phù hợp nên được điều chỉnh lại là 1.625.000 đồng/tháng theo ý kiến ông N là phù hợp.

Ông N không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà X khai không có tài sản chung. Ông N khai ông N và bà X có 01 căn nhà và đất diện tích khoảng 200m^2 toạ lạc ấp 4, xã T, huyện TB. Phần đất do cha mẹ vợ cho vào năm 2014 hiện chưa tách quyền sử dụng, phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 965238, cấp ngày 11/08/2004 đứng tên ông Cao Minh T và bà Võ Thị K. Khi ly hôn bà X và ông N không yêu cầu Toà án phân chia. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về phần tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Bà X khai có nợ Ngân hàng N Việt Nam số tiền vay gốc là 950.000.000 đồng. Nhưng tính đến ngày 31/10/2024 số tiền nợ vay còn lại là: 953.624.658 đồng. Tài sản được đảm bảo cho dư nợ nói trên là Quyền sử dụng đất, toạ lạc ấp 4, xã T, huyện TB theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 965238, cấp ngày 11/08/2004 đứng tên ông Cao Minh T và bà Võ Thị K. Khi ly hôn bà X yêu cầu ông N thanh toán nợ gốc 450.000.000 đồng, bà X thanh toán 500.000.000 đồng. Ông N xác định không có nợ chung và không đồng ý thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là nợ phát sinh trong thời kỳ hơn nhân giữa bà X và ông N. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án vào ngày 05/02/2025 Ngân hàng đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, xác định để cho bà Cao Thị Thanh X tiếp tục trả nợ vay theo hợp đồng nói trên. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng và không xem xét buộc ông N và bà X phải thanh toán khoản nợ vay trên trong cùng vụ án này. Nếu giữa các đương sự có phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng có quyền khởi kiện, giải quyết theo trình tự tố tụng ở một vụ án dân sự khác.

Đối với phần tài sản là nhà đất toạ lạc ấp 4, xã T, huyện TB theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 965238, cấp ngày 11/08/2004 đứng tên ông Cao

Minh T và bà Võ Thị K hiện Ngân hàng rút yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét xử lý về tài sản thế chấp nói trên.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà X, ông N phải chịu 50 % mức án phí quy định; án phí về cấp dưỡng nuôi con ông N phải chịu theo quy định. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí, được nhận lại tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 11 Nghị quyết 01/2024 Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa bà Cao Thị Thanh X với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Cao Tiến T, sinh ngày 25/01/2010 và Nguyễn Cao Nhã U, sinh ngày 21/6/2014, các con đang sống cùng bà X cho bà X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Cao Tiến T và Nguyễn Cao Nhã U mỗi tháng 1.625.000 đồng/ mỗi cháu, cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính kể từ ngày bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu độc lập đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh Thới Bình) về việc yêu cầu bà X và ông N thanh toán số tiền vay 953.624.658 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng, bà Cao Thị Thanh X và ông Nguyễn Văn N mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Bà X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0016560 vào ngày 25/10/2024 được đối trừ, bà X được nhận lại 225.000 đồng. Án phí về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông N phải nộp, tổng 375.000 đồng (chưa nộp).

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh Thới Bình) được nhận lại tạm ứng án phí 12.027.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình theo biên lai số 0016583 ngày 06/11/2024.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghãi vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Kim Cương

*Nơi nhận**:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã T
, huyện TB, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.